

Số: /2026/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 134/TTr-SGDĐT ngày 18 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, người học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (sau đây gọi chung là học sinh) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Danh mục các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo và mức thu tối đa

Danh mục các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

và mức thu tối đa thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi

1. Mức thu quy định tại Điều 2 Quyết định này là mức thu tối đa. Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, tình hình thực tế của cơ sở giáo dục và nhu cầu của học sinh, các cơ sở giáo dục thống nhất với cha mẹ học sinh về nội dung và mức thu cụ thể, nhưng phải bảo đảm không ngoài danh mục các khoản thu và không vượt quá mức thu tối đa quy định tại Quyết định này; việc thu được thực hiện theo số tháng học thực tế và không vượt quá khung thời gian năm học do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải bảo đảm nguyên tắc tự nguyện; các cơ sở giáo dục công lập có trách nhiệm xây dựng dự toán chi cho từng nội dung thu làm căn cứ xác định mức thu cụ thể theo nguyên tắc thu đủ bù chi, thu, chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Căn cứ tình hình thực tế, các cơ sở giáo dục được xem xét miễn hoặc giảm mức thu (trừ tiền ăn) đối với học sinh là con liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh; học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, có hoàn cảnh khó khăn; học sinh khuyết tật, học sinh mồ côi cha mẹ.

4. Thực hiện công khai các khoản thu, chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê các khoản thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật; thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục có thẩm quyền. Cuối mỗi học kỳ và cuối năm học, cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổng hợp kết quả thu, quyết toán chi đối với từng khoản thu; thực hiện công khai theo quy định và báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp.

Điều 4. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ pháp chế);
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_(VH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh

Phụ lục
DANH MỤC CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ MỨC THU TỐI ĐA
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu tối đa			
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông/Giáo dục thường xuyên
1	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học khi cha mẹ trẻ em, học sinh có nhu cầu) (khoảng thời gian giữ trẻ do nhà trường và phụ huynh thống nhất)	đồng/học sinh/giờ	9.000	9.000	Không	Không
2	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng các ngày nghỉ, ngày hè (8 giờ/ngày)	đồng/học sinh/ngày	51.000	Không	Không	Không
3	Dịch vụ tăng cường cho việc vệ sinh cá nhân đối với trẻ mầm non. Vệ sinh phục vụ cho học sinh theo nhu cầu.	đồng/học sinh/tháng	48.000	24.000	24.000	24.000
4	Dịch vụ phục vụ ăn sáng của học sinh	đồng/học sinh/ngày	17.000	Không	Không	Không
5	Dịch vụ phục vụ bán trú có tổ chức nấu ăn					
a	Dịch vụ ăn bán trú của học sinh	đồng/học sinh/ngày	38.000	32.000	38.000	38.000
b	Dịch vụ chăm sóc bán trú: Thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa	đồng/học sinh/tháng	334.000	263.000	263.000	263.000
-	Thuê người nấu ăn	đồng/học sinh/tháng	137.000	137.000	137.000	137.000
-	Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường	đồng/học sinh/tháng	39.000	21.000	21.000	21.000
-	Hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa	đồng/học	158.000	105.000	105.000	105.000

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu tối đa			
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông/Giáo dục thường xuyên
		sinh/tháng				
c	Dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú	đồng/học sinh/tháng	54.000	32.000	32.000	32.000
6	Dịch vụ phục vụ bán trú không tổ chức nấu ăn					
a	Dịch vụ ăn bán trú của học sinh	đồng/học sinh/ngày	43.000	38.000	43.000	43.000
b	Dịch vụ chăm sóc bán trú: Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa	đồng/học sinh/tháng	197.000	126.000	126.000	126.000
-	Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường	đồng/học sinh/tháng	39.000	21.000	21.000	21.000
-	Hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa	đồng/học sinh/tháng	158.000	105.000	105.000	105.000